

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P,
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 148/2025/DS-ST

Ngày: 03 – 6 – 2025

V/v tranh chấp dân sự
hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Tác
- Ông Đặng Anh Doan

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Thái Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Ngô Thị N, sinh năm 1980, (có mặt).

Nơi cư trú: tổ A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985, (vắng mặt);

2.2. Ông Lê Văn V, sinh năm 1984, (vắng mặt).

Cùng nơi thường trú: Số D, tổ 12, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1950, (vắng mặt);

3.2. Bà Lê Thị P, sinh năm 1969, (vắng mặt).

Cùng nơi thường trú: Số D, tổ A, ấp M, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 18/11/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 31/12/2024 và đơn khởi kiện ngày 06/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là bà Ngô Thị N trình bày:

Thông qua người quen, bà biết được bà Nguyễn Thị N1 (là bị đơn) mua bán đậu nành, nên bà liên lạc bà N1 để mua đậu nành bán lại. Hai bên mua bán đậu nành từ ngày mùng 07/11/2023 âm lịch đến ngày 29/11/2023 âm lịch thì ngưng không mua bán nữa, do bà không còn tiền mua. Hình thức mua bán, hai bên thỏa thuận giá cố định 16.000đ/kg, vì bà sợ đậu lên giá nên khi mua đậu bà trả tiền trước cho bà N1, nhưng không nhận đậu mà gửi lại cho bà N1 giữ gìn, khi nào nhận đậu thì bà cho bà N1 biết và bà N1 sẽ vận chuyển đậu đến nhà bà và trừ dần vào số tiền đã đưa trước. Phương thức trả tiền cho bà N1 có khi trả tiền mặt, có khi chuyển khoản qua Ngân hàng.

Bà mua đậu nành 03 lần tổng cộng là $19.500\text{kg} \times 16.000 \text{ đồng/kg} = 312.000.000 \text{ đồng}$, đã trả tiền đủ 312.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày mùng 07/11/2023 ÂL (nhằm ngày 19/12/2023 dương lịch) bà N1 bán cho bà $5.000\text{kg} \times 16.000 \text{ đồng/kg} = 80.000.000 \text{ đồng}$, bà trả tiền đủ cho N1, bà N1 viết Biên nhận ngày 07/11/2023 ÂL;

+ Ngày mùng 09/11/2023 âm lịch (nhằm ngày 21/12/2023 dương lịch) bà N1 bán $9.000\text{kg} \times 16.000 \text{ đồng/kg} = 144.000.000 \text{ đồng}$. Bà trả tiền mặt 94.000.000 đồng và chuyển khoản qua Ngân hàng 50.000.000 đồng. Bà N1 viết Biên nhận ngày mùng 10/11/2023 âm lịch (nhằm ngày 22/12/2023 dương lịch);

+ Tối cùng ngày mùng 10/11/2023 âm lịch (nhằm ngày 22/12/2023 dương lịch), N1 tiếp tục gọi điện thoại bán cho bà $5.500\text{kg} \text{ đậu nành} \times 16.000 \text{ đồng/kg} = 88.000.000 \text{ đồng}$, bà trả đủ bằng chuyển khoản qua Ngân hàng. Ngày 29/11/2023 âm lịch (nhằm ngày 10/01/2024 dương lịch) N1 tự làm biên nhận số tiền 88.000.000 đồng ký tên và chụp hình gửi cho bà thông qua ứng dụng Zalo chứ không gửi cho bà biên nhận bản giấy.

Tuy nhiên, ngày 20/12/2023 âm lịch (nhằm ngày 30/01/2024 dương lịch) N1 chỉ giao đậu nành cho bà 01 lần là $2.250 \text{ kg} \times 16.000 \text{ đồng/kg} = 36.000.000 \text{ đồng}$, còn lại $17.250 \text{ kg} \times 16.000 \text{ đồng/kg} = 276.000.000 \text{ đồng}$, nhiều lần bà yêu cầu N1 giao đủ 17.250 kg nhưng N1 chỉ hứa hẹn rồi vẫn không giao và không trả tiền lại.

Ngoài ra, bà N1 còn thiếu số tiền 19.400.000 đồng, đây là tiền bà N đã trả cho bà N1 để mua hàng hóa khác (dầu ăn, mè, thạch cao), nhưng bà N1 không giao hàng và cũng không trả tiền lại.

Tổng cộng tiền nợ 295.400.000 đồng (276.000.000 đồng + 19.400.000 đồng).

Nhiều lần bà có đến nhà N1 đòi lại tiền thì N1 né tránh không gặp mặt, chỉ gặp cha mẹ của N1 là ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị P (ở gần nhà của N), ông B bà P có hứa sẽ trả nợ thay cho N1. Sau đó nhiều lần bà đến gặp vợ chồng ông B, bà P để đòi tiền thì ông B, bà P vẫn hứa hẹn rồi không trả. Đến ngày mùng 07/11/2024 âm lịch ông B có làm Tờ xác nhận nợ, nội dung ông B, bà P đồng ý nhận nợ 300.000.000 đồng và hứa trả nợ thay cho bà N1, do lúc đó chưa cộng số

tiền chính xác nên ông B có nói tính chẵn số tiền là 300.000.000 đồng, sau này có thiếu đủ thì sẽ tính sau. Lúc làm tờ xác nhận nợ không có mặt bà P, chỉ có mặt ông B và ông ký tên, không có bà P ký tên. Sau khi làm tờ xác nhận nợ ông B vẫn chưa trả tiền, nên nhiều lần bà đến nhà đòi tiền thì ông B, bà P tiếp tục hứa hẹn và không trả.

Bà N khởi kiện yêu cầu tổng cộng 331.400.000 đồng, bà N1 có giao đậu trị giá 36.000.000 đồng ($2.250 \text{ kg} \times 16.000 \text{ đồng/kg} = 36.000.000 \text{ đồng}$), còn lại 295.400.000 đồng. Ngày 09/4/2025 và tại phiên tòa bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 36.000.000 đồng và rút yêu cầu đối với bà Lê Thị P (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), do không có chứng cứ để chứng minh bà P cùng ông B nhận trả nợ.

Bà N yêu cầu bà N1, ông V và ông B phải có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền 295.400.000 đồng, tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10/01/2024 (ngày bà N1 viết biên nhận tiền sau cùng) đến ngày xét xử.

- Bị đơn:

+ *Tại Bản ý kiến ngày 20/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị N1 trình bày:*

Bà thừa nhận còn nợ bà N số tiền 295.400.000 đồng tiền mua bán đậu nành và hàng hóa khác (dầu ăn, mè, thạch cao), bà N1 đồng ý tính tiền lãi 36.777.000 đồng (tạm tính từ ngày 10/01/2024 dương lịch đến ngày 09/4/2025 (ngày Tòa án hòa giải) = $15 \text{ tháng} \times 295.400.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}$). Số nợ trên ông Lê Văn V (chồng bà N1) và cha Nguyễn Văn B, mẹ Lê Thị P đều có biết. Hiện tại, hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ chồng đi làm thuê sinh sống, nên bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng đến khi hết nợ, nếu có tiền nhiều thì bà sẽ trả nhiều hơn. Ngoài ra, bà N1 không có yêu cầu khác.

+ Ông Lê Văn V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không có người đại diện tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Tại văn bản ngày 31/3/2025 ông Nguyễn Văn B trình bày, ông là cha đẻ của bà Nguyễn Thị N1, ông với bà Lê Thị P (mẹ đẻ của N1) là vợ chồng chấp nối. Ông thừa nhận bà N trình bày trên là đúng. Ông đồng ý cùng vợ chồng N1 – Vĩnh trả số nợ trên cho bà N. Ông cho biết bà Lê Thị P (vợ ông B) cũng đồng ý cùng ông trả nợ cho bà N.

+ Bà Lê Thị P (vợ ông B) đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc, không có người đại diện tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của bà P.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị N1, ông Lê Văn V và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị N số tiền 295.400.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 36.000.000đ và đối với bà Lê Thị P; về án phí, bà N1, ông V và ông B phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Ngô Thị N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N1, ông Lê Văn V, ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị P có nghĩa vụ trả số tiền mua bán tài sản là 295.400.000 đồng và yêu cầu tính lãi, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Nguyễn Thị N1, ông Lê Văn V (là bị đơn), ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị P (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có người đại diện tham gia tố tụng và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên.

[1.3] Đối với yêu cầu của bà N, mặc dù tại các đơn khởi kiện bà N đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N1, ông Lê Văn V, ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị P trả 331.400.000 đồng tiền mua bán tài sản, nhưng ngày 09/4/2025 và tại phiên tòa bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền 36.000.000 đồng và rút yêu cầu đối với bà Lê Thị P, chỉ còn yêu cầu bà N1, ông V và ông B trả số tiền 295.400.000 đồng và tiền lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà N về số tiền 36.000.000 đồng và đối với bà Lê Thị P; sau này bà N được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật. Bà N không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Ngô Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N1, ông Lê Văn V và ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán tài sản (đậu nành, dầu ăn, mè, thạch cao) 295.400.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10/01/2024 đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc mua bán tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ là thỏa thuận bằng lời nói, không lập hợp đồng bằng văn bản, nhưng tại Bản ý kiến ngày 20/3/2025 của bà N1 và tại văn bản ngày 31/3/2025 của ông Nguyễn Văn B đều xác nhận bà N1 có mua bán tài sản với bà N còn thiếu số tiền 295.400.000 đồng. Từ đó cho thấy, bà N1 có thiếu bà N số tiền mua bán tài sản 295.400.000 đồng là có thật.

[2.2] Về tiền lãi, do bà N1 chậm trả tiền nên bà N yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất pháp luật quy định, hai bên không có thỏa thuận lãi suất do chậm trả tiền. Theo Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nếu không có thỏa thuận về lãi suất thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Bà N1 đồng ý tính tiền lãi. Do đó, bà N yêu cầu tính tiền lãi là có căn cứ. Tiền lãi được tính như sau:

[2.3] Từ ngày 10/01/2024 đến nay (03/6/2025) = 17 tháng (tính tròn tháng):
 $295.400.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} = 41.680.000 \text{ đồng}.$

[2.4] Đối với ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị P không có yêu cầu độc lập, nên không xem xét.

[2.5] Từ nhận định trên, căn cứ các Điều 357, 430, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, buộc bà Nguyễn Thị N1, ông Lê Văn V và ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị N số tiền mua bán 295.400.000 đồng và tiền lãi 41.680.000 đồng. Nếu bà N1, ông V và ông B chậm thi hành án số tiền trên thì còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm, lẽ ra ông B là người cao tuổi (sinh năm 1950) được miễn án phí theo quy định pháp luật, nhưng ông B không có đơn đề nghị miễn tiền án phí, nên không được xem xét. Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ, nên bà N1, ông V và ông B phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 357, 430, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền 36.000.000 đồng và đối với bà Lê Thị P.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị N1, Lê Văn V và ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị N số tiền mua bán tài sản 295.400.000 đồng và tiền lãi 41.680.000 đồng, cộng chung 337.080.000 đồng (*bằng chữ: ba trăm ba mươi bảy triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị N1, Lê Văn V và ông Nguyễn Văn B phải chịu 16.854.000 đồng.

+ Hoàn trả 8.997.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho bà Ngô Thị N theo 03 biên lai thu tiền: số 0011670 ngày 09/12/2024, số 0011737 ngày 06/01/2025 và số 0011910 ngày 07/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

3. Bà Ngô Thị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương